

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về công trình, gói thầu

1.1.1. Giới thiệu chung về công trình

- Tên công trình: Mua sắm vật tư hàng hóa phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương- TKV;

Tên dự án/dự toán mua sắm:.

- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV;

- Địa điểm đầu tư: Nhà máy nhiệt điện Na Dương (Khu 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn);

- Tổng dự toán: **13.061.796.671 đồng**

- Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2026;

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

1.1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: **Gói thầu số 1: Cung cấp thiết bị điện và điện đo lường điều khiển C&I các loại phục vụ sửa chữa thường xuyên năm 2026**

- Giá gói thầu: 4.255.356.358 VND

- Nguồn vốn: Chi phí SXKD năm 2026;

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: CHCT trong nước, qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 190 ngày;

- Yêu cầu về phạm vi cung cấp hàng hóa: Theo quy định tại Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp hàng hoá, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

- Yêu cầu về thời gian giao hàng (ngày giao hàng sớm nhất và ngày giao hàng chậm nhất): Theo quy định tại Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật

1.2.1. Đối với phần cung cấp hàng hóa

- Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDT. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau:

Mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, (CO và CQ đối với hàng hóa nhập khẩu, giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa trong nước).

Có Mác mã, thông số kỹ thuật rõ ràng.

Hàng hoá phải được bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Có đầy đủ tài liệu mô tả kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, của nhà sản xuất. Tài liệu kỹ thuật, phải có đầy đủ tính pháp lý và được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Nếu bản gốc là tiếng nước ngoài thì phải có kèm theo bản dịch tiếng Việt. Hoặc cam kết kỹ thuật của nhà sản xuất.

Bảo hành sản phẩm: sản phẩm được bảo hành 12 tháng kể từ ngày vật tư thiết bị nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Trong trường hợp Nhà thầu chào hàng hóa tương đương: Nhà thầu phải có Bảng so sánh thông số kỹ thuật giữa hàng hóa Nhà thầu chào với hàng hóa trong HSMT của Bên mời thầu để chứng minh hàng hóa Nhà thầu chào là tương đương hoặc tốt hơn so với hàng hóa Bên mời thầu trong HSMT. Đồng thời Nhà thầu phải cam kết hàng hóa do Nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ với hệ thống của Chủ đầu tư đang sử dụng.

- Các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hoá, cụ thể:

+ Đối với hàng hoá nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực (kèm theo bản dịch thuật công chứng sang tiếng Việt) của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành và Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) do đơn vị sản xuất hàng hoá phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng khác có giá trị tương đương và được Chủ đầu tư chấp nhận); trường hợp C/O được cung cấp dưới hình thức C/O điện tử thì Nhà thầu phải cung cấp mã QR Code hoặc đường dẫn (link) tra cứu thông tin của C/O để Chủ đầu tư kiểm tra, xác thực (nếu cần);

+ Đối với hàng hoá sản xuất tại Việt Nam: Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng do đơn vị sản xuất hàng hoá phát hành (hoặc các tài liệu chứng minh chất lượng khác có giá trị tương đương và được Chủ đầu tư chấp nhận).

+ Đối với hàng hoá có đơn giá dưới 10 (mười) triệu đồng và tổng giá trị hàng hoá đó không quá 50 triệu đồng yêu cầu cung cấp Bản gốc cam kết chất lượng, xuất xứ của hàng hoá do nhà thầu phát hành.

Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về pháp lý đối với các tài liệu (bao gồm nhưng không hạn chế bởi các nội dung sau: tính xác thực của tài liệu, các thông tin được đề cập trong tài liệu, bản quyền tác giả của tài liệu,...) do Nhà thầu

cung cấp cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và các chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

STT	Danh mục hàng hóa	Mô tả thông số kỹ thuật hàng hóa	CHI CHÚ
1	Ụ động (Múp nối quay)	Model: 357-000-222; kết nối ren G1"(BSP)	*
2	NB - 3RO1F	NB - 3RO1F	
3	Công tắc hành trình (Limit switch)	Model: 1LS1-J; - Tiếp điểm 3A-240VAC; 0.4A-125VDC;	*
4	Ụ động (Múp nối quay)	Mã hiệu: 557-000-198; kết nối ren G1 1/2"(BSP)	*
5	Bộ điều chỉnh áp suất	Mã hiệu: AR925-20G-R	
6	Đồng hồ báo nhiệt độ (Bộ điều khiển)	Mã hiệu: C15TR0TA0100;	*
7	Bộ chia dòng	M2VS-AA-R/K Input: 4-20mA; output:4-20mA; CS: 24VDC	
8	Bộ bảo vệ mạch động cơ (Bộ khởi động động cơ bằng tay)	MODEL: GV2ME10 + GVAN11 Cầu dao bảo vệ MODEL: GV2ME10 xuất xứ China/France Tiếp điểm phụ model: GVAN11 xuất xứ Czech	
9	Cầu dao tự động	Mã hiệu: 5SY6110-7; 1-POLE, 230VAC, 10A (bao gồm cả tiếp điểm phụ 2NC);	
10	Cầu dao tự động	Mã hiệu: 5SY5210-7, 2-POLE, 220VDC, 10A (bao gồm cả tiếp điểm phụ 2NC);	
11	Cầu dao tự động	Mã hiệu: 5SY6210-7, 2-POLE, 230VAC, 10A, (bao gồm cả tiếp điểm phụ 2NC);	
12	Cầu dao tự động	mã hiệu: 5SY6310-7; 3-POLE,110VAC, 10A, (bao gồm cả tiếp điểm phụ 2NC);	
13	Bộ chuyển đổi dòng điện	Mã hiệu: M2CE-5A-X/N-X - Input: 0-5A; - Output: 4-20mA - nguồn : 220VDC	
14	Bộ chuyển đổi điện áp	Mã hiệu: M2PE-XA-X/N-X - Input: 0-110VAC; - Output: 4-20mA - nguồn: 220VDC	

15	Bộ chuyển đổi công suất	LWT-41AO-X-X - Input: CT: 5A; VT: 110VAC - Output:4-20mA; Power: 220VDC;	
16	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu : CA3KN22MD; - tiếp điểm 2NO+2NC; - Nguồn cho cuộn hút: 220VDC;	*
17	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu: CA3KN22BD; - tiếp điểm 2NO+2NC; - nguồn cho cuộn hút 24VDC;	*
18	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu: CA3KN40MD; - tiếp điểm 4NO; - nguồn cho cuộn hút 220VDC;	*
19	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu: CA3KN40BD; - tiếp điểm 4NO; - nguồn cho cuộn hút 24VDC;	*
20	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu: CA3KN31MD; - tiếp điểm 3NO+1NC; - Nguồn cho cuộn hút: 220VDC;	*
21	Khởi động từ (Contactor)	Mã hiệu: CA3KN31BD; - tiếp điểm 3NO+1NC; - Nguồn cho cuộn hút: 24VDC;	*
22	Role trung gian	mã hiệu: MKS2P DC24 by OMZ (MKS2P-I) - loại 8 chân; coil 24VDC;	
23	Cảm biến áp suất	Mã hiệu: EST330F; -Input: 0-10bar; - Output: 4-20mA; G 1/2", - nguồn 12 - 30VDC;	
24	Cuộn hút van ba ngã	Mã hiệu: TH2408 điện áp 220VAC	
25	Van điện từ (Solenoid Valve)	Mã hiệu: VFS3120-4G-03; - điện áp 220VAC; - 5 cổng kết nối 3/8";	

26	Motion detector - Cảm biến tiệm cận loại 2 dây	mã hiệu: XSAV11801TF; - Nguồn nuôi 24-210VDC; - Đầu ra :1NC;	
27	Switch báo mức kiểu quay (bao gồm mặt bích)	Mã hiệu: SEX50000-ABBACA807C0250; L=250mm; Điện áp: 220VAC	*
28	Van điện từ (Solenoid Valve)	Mã hiệu: AG41-02-2-02E-AC220V; - 3 cổng kết nối ren 1/4"; - Cuộn hút 220VAC;	
29	Báo mức điện dung	mã hiệu: ALN-113-1H; - Nguồn cấp 220VAC; Tiếp điểm 1NO, 1NC; - Chiều dài: 650mm; mặt bích 10k;	*
30	Van điện từ (Solenoid Valve)	Mã hiệu: RCAC25T4012 + Pilot RCA3PV - Port size: 1"; - Cuộn hút: 220Vac;	
31	Main điều khiển	Mã hiệu: STR-10-AC; bao gồm 10 đầu ra Role 220VAC, 5A;	
32	Cuộn hút cho van điện từ	Mã hiệu: RCA 3PV-203 Nguồn 220VAC	
33	Role	mã hiệu: MY2N-GS-R AC220/240 by OMZ loại 8 chân; coil 220VAC;	
34	Bộ nguồn	POWER SUPPLY - Mã hiệu: LRS-350-24; - Input: 200-240VAC 50/60Hz 4.0A; - Output: 24V/14.6A;	
35	Loadcell	Mã hiệu UB2-50-U, - Tải trọng 50kg; - Vật liệu thép không gỉ;	*
36	Cảm biến nhiệt độ loại K	Cảm biến nhiệt độ Loại K Mã hiệu: TMNS Well Flange K(S)/F6.4/310S/JIS1 (L=1010, I=870, N=100);	*
37	Cảm biến nhiệt độ Loại K	Mã hiệu: TMNS Well Flange; K(S)/4.8/310S/JISI; L:1991;	*

38	Smart Positioner 3S MP100 loại Rotary 2 hành trình (bao gồm chân đế)	Mã Hiệu MP16214-SR/M0; - loại Smart Positiner; hành trình của van Rotary 2 hành trình; - tín hiệu vào 4~20mA DC; - tín hiệu ra 4~20mA DC; - Áp suất khí nguồn cấp: 0.14 ~ 0.70 Mpa;	*
39	Smart Positioner 3S MP100 loại Rotary 1 hành trình (bao gồm chân đế)	Mã hiệu MP16114-SR/M0; - loại Smart Positiner; hành trình của van Rotary 1 hành trình; - tín hiệu vào 4~20mA DC; - tín hiệu ra 4~20mA DC; - Áp suất khí nguồn cấp: 0.14 ~ 0.70 Mpa;	*
40	Smart Positioner 3S MP100 loại line 2 hành trình (bao gồm chân đế)	Mã hiệu MP16214-SL/M0; - loại Smart Positiner; hành trình của van Linear 2 hành trình; - tín hiệu vào 4~20mA DC; - tín hiệu ra 4~20mA DC; - Áp suất khí nguồn cấp: 0.14 ~ 0.70 Mpa;	*
41	Smart Positioner 3S MP100 loại line 1 hành trình (bao gồm chân đế)	Mã hiệu: MP16114-SL/M0; loại Smart Positiner; - hành trình của van Linear 1 hành trình; - tín hiệu vào 4~20mA DC; - tín hiệu ra 4~20mA DC; - Áp suất khí nguồn cấp: 0.14 ~ 0.70 Mpa;	*
42	Van khoá- Lock valve	Mã hiệu: CL-523H, - kết nối 1/4"; Max press 800kPa; Set press 100-600kPa	*
43	Van khoá-Lock valve	Mã hiệu: CL-420, - kết nối 1/4";Max press 800kPa; Set press 100-600kPa	*
44	Bộ lọc điều chỉnh- Air Set	Mã hiệu: PRF 408; - Kết nối ren 1/4"; out max 800kPa	
45	Bộ lọc điều chỉnh- Air Set	Mã hiệu: AW411-03BG1-2; - Kết nối ren 1/2";	
46	Air Set - Bộ điều chỉnh áp lực khí	78-40 W/gauge - Part: 200622097-999-0000 + 200822827-999-0000 - kết nối ren 1/4";	*

47	Rơ le tăng áp- Booster relay	Model: BR400 - Part: 204500390-999-0000 - kết nối 1/2"; - Max press: 1MPa;	*
48	Van khoá- Transfer valve:	Model: 78-80H - Part: 204500898-999-0000 - kết nối 1/2';	*
49	Van chuyển đổi- Look up valve	Model: 08-80H - Part: 204500896-999-0000 - kết nối 1/2';	*
50	Air Set - Bộ điều chỉnh áp lực khí	78-4 W/gauge Part: 200622096-999-0000 + 200822826-999-0000 - kết nối ren 1/4";	*
51	Bộ điều chỉnh áp lực	Mã hiệu: CP-121-1AU	*
52	Van điện từ- Solenoid	Mã hiệu: M00U-8-D12PG-01-TF; press: 0-0.4MPa; Cuộn hút DC 220V;	*
53	Công tắc hành trình- Limit Switch	Model: VCL - 5001; - Tiếp điểm 5A-240VAC; - cần gạt con lăn (chiều dài cần gạt 30 mm); - lực vận hành tối đa 15,7N;	
54	Transmitter đo áp lực	Mã hiệu: JTD920S-7E1B2-X2BD2-T1U2; - range: -500 ÷ 500 mmH2O - Actual scale:-500 ÷ 500 mmH2O; (Cài đặt theo thông số của bên mời chào giá)	*
55	Transmitter đo lưu lượng	Mã hiệu: JTD921S-7E1L2-X2BD2-T1U2; - range: 0- 0.5 kgf/cm2 - Actual scale: 0 - 250 t/hr square; (Cài đặt theo thông số của bên mời chào giá)	*
56	Transmitter đo áp lực	Mã hiệu: EJA430E-DBS4G-314DD/D4/HE/L4 - Scale: 0-10kg/cm2 - Rang: 0-10kg/cm2 (Cài đặt theo thông số của bên mời chào giá)	*
57	Transmitter đo lưu lượng	Mã hiệu: EJA110E-DMS4J-312DD/D4/HE/L4 - Scale: 0-6000mmH2O - Rang: 0-300 T/h Linear (Cài đặt theo thông số của bên mời chào giá)	*

58	Transmitter đo mức	Mã hiệu: EJA110E-DHS4J-212DD/ D4/HE/L4 - Rang: -83.4-505mm - Scale: -85-515 mmH2O Linear (Cài đặt theo thông số của bên mời chào giá)	*
59	Bình mẫu hỗn hợp khí NO, SO2, CO, CO2.	Cylinder 1500ppm CO; 6% CO2; 900 ppm NO; 600 ppm SO2; balance in N2 Cylinder 47L; Pressure 140bar; Gas contain 6580 liters; Valve type BS4; Pre tol: +(-) 10%; Acc: +(-) 2%; Shelf life : 24 months; tracebility to NIST/NPL/VSL	
60	Bình khí chuẩn	Cylinder 5% O2 balance N2 Cylinder 10L; Pressure 140bar; Gas contain 1400 liters; Valve type BS3; Pre tol: +(-) 5%; Acc: +(-) 2%; Shelf life : 24 months; tracebility to NIST/NPL/VSL	
61	Cốc lọc kép	Mã hiệu: AW40-04BG-D + AC40A-04G-D	
62	Cell đo cho SO2, CO , NO, CO2	Product ID: 768955	*
63	Bộ gia nhiệt cho đầu mẫu	Mã hiệu: 8018410	*
64	Bộ lọc gôm cho đầu mẫu	Mã hiệu: 730682	*
65	Finter lọc bộ SCC-F	Màng Lọc (Filter Membrane); - Part No: 801717	
66	Cảm biến đo nhiệt độ đầu lấy mẫu	Product ID: 746371	*
67	Bình khí chuẩn	Cylinder 1% O2 balance N2 Cylinder 10L; Pressure 140bar; Gas contain 1400 liters; Valve type BS3; Pre tol: +(-) 5%; Acc: +(-) 2%; Shelf life : 24 months; tracebility to NIST/NPL/VSL	
68	Báo mức	Mã hiệu: TLX- 200AP; - Phạm vi đo: 20m; - Nguồn cấp 220VAC; - Tín hiệu ra: 4-20mA;	*
69	Pittong xi lanh khí	Model: RP100DA pneumatic	
70	Điện cực Amoni	107070; Amolyt® plus 700IQ;	*
71	Điện cực COD	481034; UV -705 IQ SAC	*
72	Điện cực pH	109173; SensoLyt® 700 IQ/SET	*
73	Điện cực TSS	600012; VisoLid 700IQ	*
74	Bộ định lượng clo	METTITO, MACH-4	
75	Cảm biến nhiệt độ nước	P/N 025L02247000	
76	khởi động từ- Contactor	Model: AX09-30-10-80	

77	Gia nhiệt sứ (Heating element)	MODEL: J05Z007-03; 1.25kW	*
78	Đĩa van	Kích thước: $\Phi 38 \times \Phi 51$, H=36, Vật liệu: B637-7750 (Dùng cho van của hãng Fukui kiểu: SL833-H2; DWR.no: 2002T 0993-01-2, Tag no: 1J/2HAD10AA002)	*

(*) Trường hợp nhà thầu đề xuất cung cấp hàng hóa khác hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" (*kèm theo bảng so sánh các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà thầu đề xuất cung cấp với hàng hóa được chủ đầu tư/bên mời thầu chỉ dẫn tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" để chứng minh sự tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ*).

(*Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật*).

1.2.2. Đối với phần cung cấp dịch vụ liên quan. Không

1.3. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nhà thầu phải cam kết thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong vòng 190 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tiến độ được tính từ ngày hiệu lực hợp đồng đến khi nhà thầu hoàn thành các công việc của gói thầu bao gồm như (cung cấp, nghiệm thu, bàn giao vật tư).

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp sẽ được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu với các nội dung cụ thể như sau:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa:

- Trước khi bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. Tài liệu cung cấp được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng

Việt và/hoặc có bản dịch đối với các tài liệu cung cấp bằng tiếng nước ngoài. Nhà thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Hàng hóa được đánh giá là hợp lệ khi có đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng theo quy định của E-HSMT và các quy định khác của hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu không mua hàng hóa trực tiếp từ nhà sản xuất mà qua doanh nghiệp thương mại (doanh nghiệp nhập khẩu trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)) và hàng hóa đó không thể hiện rõ thông tin (serial number...) trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) thì nhà thầu cung cấp bổ sung Hợp đồng mua bán giữa nhà thầu và doanh nghiệp thương mại đó hoặc cam kết của doanh nghiệp thương mại đó với nội dung cam kết rằng hàng hóa bán cho nhà thầu để cung cấp cho Chủ đầu tư đảm bảo đúng hàng hóa trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

- Đối với hàng hoá chào thầu là hàng hóa nhập khẩu, Nhà thầu phải cung cấp bản gốc hoặc sao y công chứng các tài liệu gồm: chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ hàng hoá (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hoá (CQ) và **tờ khai hải quan có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu.**

- Đối với hàng hóa chào thầu là hàng hóa sản xuất trong nước, Nhà thầu phải cung cấp: các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng của hàng hóa. Các giấy tờ phải là bản gốc có đóng dấu của đơn vị sản xuất hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- *Đối với hàng hóa nhà thầu chào tương đương:*

Nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu, cụ thể:

+ Lập bảng so sánh chi tiết tính tương đương hoặc tốt hơn với vật tư, thiết bị gốc, bao gồm nhưng không giới hạn các điểm sau:

(i) Thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tính đồng bộ tương thích về công nghệ và kích thước lắp đặt/kết nối với các thiết bị/hệ thống hiện hữu của bên mời thầu;

(ii) Các tài liệu kỹ thuật/bản vẽ của hàng hóa nhà thầu chào;

+ Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi hàng hóa nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của chủ đầu tư sau khi thay thế vật tư, lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành.

+ Nhà thầu phải cam kết phối hợp với bên mời thầu trong quá trình thay thế, lắp đặt. Trong quá trình thực hiện thay thế lắp đặt các hàng hóa, nhà thầu phối hợp, tư vấn hỗ trợ cho bên mời thầu kiểm tra, lắp đặt

Cung cấp tài liệu của nhà sản xuất khi giao hàng. Tài liệu cung cấp được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và

pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

- Khi bàn giao hàng hóa, các bên có liên quan cùng tiến hành kiểm tra chất lượng của từng hàng hóa. Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng về chất lượng so với quy định của hợp đồng khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

+ Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị biến dạng, móp méo, không bị han gỉ do tác động của môi trường;

+ Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa cung cấp. Cam kết hàng hóa cung cấp hợp pháp và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư;

+ Hàng hóa phải đáp ứng theo danh mục hàng hóa và đặc tính, thông số kỹ thuật tương ứng được ghi trong hợp đồng và các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp không đáp ứng đúng theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải có trách nhiệm thuê 01 đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp, mọi chi phí phát sinh (nếu có) do bên sai chi trả.

- Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm, ngược lại nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác, khi đó Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hóa.

c) Nghiệm thu, tiếp nhận hàng hóa:

Chủ đầu tư chỉ đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận các hàng hóa khi đáp ứng được các yêu cầu quy định mục (a) và mục (b) nêu trên.

Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư.

Hỗ trợ chủ đầu tư dịch vụ kỹ thuật (bao gồm cử cán bộ kỹ thuật), khi có yêu cầu nhưng không phát sinh chi phí.

- Nhà thầu cam kết trình tự và thủ tục nghiệm thu thực hiện theo quy định hiện hành của Công ty Nhiệt điện Na Dương

Nghiệm thu hàng hóa

Thiết bị do nhà thầu cung cấp được đánh giá là đạt để được đưa vào lắp đặt

khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Tên mã hiệu, các thông số kỹ thuật, xuất xứ của thiết bị phải có tài liệu đầy đủ đúng theo quy định trong hợp đồng.

- Thiết bị phải mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

- Thiết bị không có khuyết tật, rạn nứt, không bị biến dạng.

- Hồ sơ, tài liệu của thiết bị trước khi nghiệm thu phải đầy đủ. Hồ sơ, tài liệu bao gồm 01 bản cứng và 01 file mềm. Tất cả tài liệu phải là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực (*có dịch công chứng sang tiếng Việt đối với tài liệu bản gốc khác tiếng Việt*).

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu hàng hóa và Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Mục 3. Bản vẽ

Mục 4. Yêu cầu về bảo hành

- Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ có liên quan trong vòng 365 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Thời gian thực hiện công tác sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất không quá 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Trong thời gian bảo hành sản phẩm, nếu sản phẩm bị hư hỏng có bất kỳ khiếm khuyết nào, nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa lại hoặc thay thế sản phẩm mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng. Trong trường hợp phải sửa chữa khắc phục thì thời gian bảo hành được tính thêm bằng thời gian sửa chữa; trường hợp hạng mục hàng hóa phải thay thế mới thì thời gian bảo hành được tính lại từ đầu kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa đó.

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, chủ đầu tư buộc phải sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác thực hiện sửa chữa, khắc phục hư hỏng, khiếm khuyết thì nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục hư hỏng, khiếm khuyết đó.